

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2017

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình**

Ông Ngô Văn Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Hồng Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh P** - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ 02, phường H, quận L, thành phố Đ, (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Thái Ngọc T** – Sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ 02, phường H, quận L, thành phố Đ, (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Thái Ngọc T xây dựng gia đình vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đ.

Quá trình chung sống đến tháng 10/2016, vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi và ông T thường xuyên cờ bạc, rượu chè và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng ông T còn đánh đập tôi. Hiện nay, tôi và ông T sống ly thân. Do đó, tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Thái Ngọc T.

Về con chung: Tôi và ông Thái Ngọc T có 02 con chung tên Thái Ngọc L – Sinh ngày 08/9/2005 và tên Thái Ngọc Thùy T1 – Sinh ngày 20/10/2008. Tôi có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và ông Thái Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và ông Thái Ngọc T không có nợ chung.

Bị đơn ông Thái Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung của bà Nguyễn Thị Thanh P. Qua xác minh được biết, hiện nay ông Thái Ngọc T có đăng ký nhân khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại tổ 02, phường H, quận L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua lời trình bày của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ông Thái Ngọc T đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

2. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Thái Ngọc T xây dựng gia đình hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của bà P và ông T không hạnh phúc do ông T thường xuyên cờ bạc, rượu chè và không có trách nhiệm với gia đình, khiến vợ chồng hay cãi vã, gây gỗ lẫn nhau. Hiện nay, bà P và ông T đã sống ly thân nên khó có cơ hội hàn gắn tình cảm. Do đó, hôn nhân của bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và yêu cầu xin ly hôn của

bà Nguyễn Thị Thanh P là phù hợp với Luật hôn nhân gia đình được quy định tại Điều 51 và Khoản 1 điều 56 nên chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Thái Ngọc T có 02 con chung tên Thái Ngọc L – Sinh ngày 08/9/2005 và tên Thái Ngọc Thùy T1 – Sinh ngày 20/10/2008. Bà P có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, bà Nguyễn Thị Thanh P đang là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Thái Ngọc L và Thái Ngọc Thùy T1. Đồng thời, 02 con chung của bà P và ông T có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên việc giao 02 con cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là chính đáng nên HĐXX chấp nhận. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con và ông T không có ý kiến gì nên HĐXX chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh P xác định bà và ông Thái Ngọc T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh P xác định bà và ông Thái Ngọc T không có nợ chung.

Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh P có mặt và chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

Đối với ông Thái Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông T vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thanh P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P. Đề nghị HĐXX chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh P ly hôn với ông Thái Ngọc T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của bà P, giao 02 con chung Thái Ngọc L – Sinh ngày 08/9/2005 và Thái Ngọc Thùy T1 – Sinh ngày 20/10/2008 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà P khai không có nên không đề cập.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Thái Ngọc T .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với ông Thái Ngọc T .

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con tên Thái Ngọc L – Sinh ngày 08/9/2005 và tên Thái Ngọc Thùy T1 – Sinh ngày 20/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thái Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh P xác định không có.

Án phí HNGĐ - ST: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà P đã nộp theo biên lai số 0007138 ngày 11.7.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đ. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn ông Thái Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục T.H.A DS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc.
- Lưu.

Trần Hữu Vinh